

Số: 80/2024/QĐST-HNGĐ

MS, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Hà Xuân T, sinh năm: 1969, địa chỉ: Bản C, xã TH, huyện PY, tỉnh Sơn La và bà Lò Thị T1, sinh năm 1987, Nơi ĐKKTT: Bản C, xã TH, huyện PY, tỉnh Sơn La. Nơi tạm trú hiện tại: Bản HT, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Ông Hà Xuân T và bà Lò Thị T1 kết hôn với nhau từ năm 2013. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 28/02/2013 (số 24) và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên có cãi vã. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà sống ly thân năm 2022, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tình cảm.

Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai ông bà đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn. Tại phiên hòa giải, ông T, bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà T1.

[2] Về con chung:

Ông T, bà T1 có 02 con chung là cháu Hà Thúy H sinh ngày 19/4/2013 và Hà Mai T2 sinh ngày 16/8/2018. Ông T, bà T1 thống nhất: Giao cháu Hà Thúy H và Hà Mai T2 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu H, T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bà T1 chưa có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai ông, bà là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và người cấp dưỡng nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông T, bà T1 không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông T, bà T1 được miễn toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Xuân T và bà Lò Thị T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Hà Thúy H sinh ngày 19/4/2013 và Hà Mai T2 sinh ngày 16/8/2018 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu H, T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T1 do bà T1 chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Ông T, bà T1 không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T, bà T1 được miễn toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND xã HL, huyện MS;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân

